

## SOLUTIONS FOR ENHANCING THE TEACHING QUALITY OF LECTURES IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Le Chi Lan<sup>1</sup>, Nguyen Dang An Long<sup>\*2</sup>

\* Corresponding author  
Email: longnda@kt.hcm.edu.vn

<sup>1</sup> Email: lechilan@sgu.edu.vn  
SaiGon University  
273 An Duong Vuong street,  
District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam

<sup>2</sup> Ho Chi Minh City College of Economics  
33 Vinh Vien, District 10,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 22/7/2024

Revised: 19/9/2024

Accepted: 15/10/2024

Published: 25/01/2025

**Abstract:** Digital transformation is an essential driver of development, creating numerous new demands across all fields, with education considered a top priority. Teaching quality of lecturers is a critical factor in enhancing educational standards and making a significant contribution to comprehensive educational innovation. This article surveys the opinions of 268 individuals, including 40 managers, 162 female staff, and 106 male staff members at various public universities in Ho Chi Minh City. A sample of 16 participants, consisting of 8 managers and 8 lecturers actively involved in teaching, was selected for semi-structured interviews using a convenience sampling method. The results indicate that teaching staff are steadily improving in both quantity and professional capacity, including expertise, professional qualifications, and practical skills. However, with the rapid advancement of science and technology, new requirements for technological skills and the integration of technology into teaching demand that lecturers develop competencies suited to digital transformation in education. In response to these challenges, this article proposes several solutions to improve teaching quality among lecturers within the context of digital transformation.

**Keywords:** *Improving teaching quality, teaching staff, digital transformation, public universities, Ho Chi Minh City.*

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Lê Chi Lan<sup>1</sup>, Nguyễn Đặng An Long<sup>\*2</sup>

\* Tác giả liên hệ  
Email: longnda@kt.hcm.edu.vn

<sup>1</sup> Email: lechilan@sgu.edu.vn  
Trường Đại học Sài Gòn  
273 An Dương Vương, Quận 5,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>2</sup> Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh  
33 Vĩnh Viễn, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh,  
Việt Nam

Nhận bài: 22/7/2024

Chỉnh sửa xong: 19/9/2024

Chấp nhận đăng: 15/10/2024

Xuất bản: 25/01/2025

**Tóm tắt:** Chuyển đổi số đã là nhu cầu khách quan của sự phát triển, đặt ra nhiều yêu cầu mới cho tất cả các lĩnh vực, trong đó lĩnh vực giáo dục được coi là ưu tiên hàng đầu. Chất lượng giảng dạy của giảng viên là một trong những yếu tố quan trọng trong nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần quan trọng trong đổi mới toàn diện giáo dục. Bài viết khảo sát ý kiến của 268 người, trong đó có 40 cán bộ quản lý, 162 nữ và 106 nam ở một số trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu được chọn để phỏng vấn bán cấu trúc theo phương pháp thuận tiện, cỡ mẫu là 16 người gồm: 08 cán bộ quản lý và 08 giảng viên tham gia giảng dạy tại các trường đại học. Kết quả cho thấy, đội ngũ giảng viên trong trường đại học ngày một nâng cao về số lượng và năng lực chuyên môn; kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, dưới sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nhiều yêu cầu mới về kỹ năng công nghệ, áp dụng công nghệ vào giảng dạy đòi hỏi giảng viên phải có những năng lực thực hiện thích ứng với chuyển đổi số trong giáo dục. Từ thực tiễn đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

**Từ khóa:** *Nâng cao chất lượng giảng dạy, đội ngũ giảng viên, chuyển đổi số, đại học công lập, Thành phố Hồ Chí Minh.*

## 1. Đặt vấn đề

Chất lượng giảng dạy của giảng viên là một trong những yếu tố cơ bản, giữ vai trò quyết định tới chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung, chất lượng đào tạo ở các trường đại học nói riêng. Trong quá trình phát triển, các trường đại học đã không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên. Đặc biệt, sau Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 và Nghị quyết số: 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các trường đại học đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, yêu cầu đó càng trở nên bức thiết trước những tác động của quá trình “Chuyển đổi số”. Chất lượng của đội ngũ giảng viên không chỉ là kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng nghề nghiệp tốt, lòng say mê công việc mà còn là “Kỹ năng công nghệ số”. Vấn đề càng được đặt ra cấp thiết hơn khi vào ngày 03 tháng 06 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”, trong đó “Giáo dục và đào tạo là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu”. Bối cảnh này đòi hỏi các trường đại học không thể “đứng ngoài” xu hướng chung đó mà thực hiện phải có những kế hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên ở hiện tại và trong tương lai.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế - xã hội của cả nước, là nơi tập trung nhiều trường đại học hàng đầu. Do đó, sự thực hiện phải dẫn đầu trong công cuộc chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đối với các trường đại học công lập, nơi tập trung đông đảo đội ngũ giảng viên có trình độ (cả về bằng cấp, năng lực chuyên môn, lòng say mê với nghề nghiệp), những yêu cầu của quá trình chuyển đổi số đòi hỏi đội ngũ này cũng cần tiếp tục được nâng cao chất lượng kỹ năng số trong bối cảnh chuyển đổi số. Vấn đề này không chỉ nằm ở chính đội ngũ giảng viên mà cần có sự tác động của nhiều yếu tố từ cơ chế chính sách đến hoạt động quản lý của các trường đại học.

Những vấn đề lý luận và thực tiễn trên đây đòi hỏi các trường đại học công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh cần phải có nhiều giải pháp đồng bộ, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trước những yêu cầu đặt ra của quá trình chuyển đổi số. Bài viết này tập chung đánh giá tầm quan trọng và phân tích thực trạng hoạt động nâng cao chất

lượng giảng dạy của giảng viên; những hạn chế, tồn tại, từ đó kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên ở một số trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm liên quan

*Chuyển đổi số (Digital Transformation)*: Giống như nhiều cụm từ thường được sử dụng, thuật ngữ “Chuyển đổi kỹ thuật số” đã trở thành một thuật ngữ được sử dụng nhiều từ năm 2016 cho đến nay với nhiều nghĩa khác nhau, ở những lĩnh vực khác nhau. Theo AWS (2020): Chuyển đổi số (kỹ thuật số) là quá trình một tổ chức áp dụng để tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của doanh nghiệp, thay đổi căn bản cách thức nó mang lại giá trị cho khách hàng. Các công ty áp dụng các công nghệ kỹ thuật số tiên tiến để thực hiện những thay đổi về văn hóa và hoạt động nhằm thích ứng tốt hơn với nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng. Theo TIBC (2022): Chuyển đổi số đề cập đến việc tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào mọi khía cạnh của doanh nghiệp để doanh nghiệp có thể thích ứng với nhu cầu thay đổi của thị trường. Đúng như tên gọi, nó mang lại sự thay đổi lớn về cách doanh nghiệp vận hành và cách nó mang lại giá trị cho cơ sở khách hàng của mình. Sự chuyển đổi này không bị giới hạn ở cách thức tiến hành các hoạt động hàng ngày. Chuyển đổi kỹ thuật số cũng liên quan đến việc thiết lập lại thái độ và chuyển đổi văn hóa, hay còn gọi là cuộc cách mạng, cho tổ chức. Theo ANZ (2023): Chuyển đổi số là quá trình thúc đẩy các công nghệ kỹ thuật số để cải thiện quy trình kinh doanh và mang lại giá trị cho khách hàng. Chuyển đổi kỹ thuật số là quá trình then chốt thúc đẩy các công nghệ kỹ thuật số để tạo ra mới - hoặc sửa đổi - các quy trình kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và trải nghiệm khách hàng hiện có để phù hợp với động lực thị trường đang phát triển.

*Chuyển đổi số trong giáo dục (Digital Transformation in Education)*: Theo Vivek Hariharan (2023): Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình nâng cao trải nghiệm của người học, giáo viên, cựu sinh viên và giúp quản lý tổ chức trong việc tuyển sinh và các nhiệm vụ hành chính khác bằng cách tận dụng công nghệ để đơn giản hóa quy trình giáo dục và quản lý giáo dục. Nó cung cấp: trải nghiệm tuyển sinh liền mạch cho sinh viên; trải nghiệm học tập tương tác và hấp dẫn người học; kết quả học tập tốt hơn; cấu trúc khóa học linh hoạt cho phép sinh viên học từ mọi thiết bị, mọi lúc; những cải tiến trong cách quản lý kết quả học tập của học sinh; một quy trình quản lý trường

học/cao đẳng/đại học một cách có hệ thống và liên thông. Theo UNESCO (2023): Chuyển đổi số là quá trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo để giải quyết nhiều thách thức lớn trong giáo dục cũng như mang lại sự đổi mới trong thực tiễn dạy và học. Đồng thời, việc áp dụng các công nghệ này phải được hướng dẫn bởi các nguyên tắc hòa nhập và công bằng. Nó tập trung vào vai trò của trí tuệ nhân tạo trong việc giải quyết những bất bình đẳng liên quan đến khả năng tiếp cận kiến thức, nghiên cứu và sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa để đảm bảo nó không làm gia tăng khoảng cách công nghệ trong và giữa các quốc gia. Ở Việt Nam, những nội dung về chuyển đổi số trong giáo dục được xác định trong “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

*Nội dung của chuyển đổi số trong giáo dục đại học (Content of digital transformation in education):* Từ các quan niệm có thể thấy, nội dung của chuyển đổi số trong giáo dục bao gồm: 1) Sử dụng công nghệ tạo ra vô số dữ liệu phản ánh sự tương tác giữa người dạy, người học và nhà quản lý giáo dục. Dữ liệu này là nguồn thông tin chi tiết quan trọng giúp thông báo cho các cơ sở giáo dục về cách sinh viên đang học tập, giáo viên đang giảng dạy, những gì đang hoạt động và những gì cần phải xảy ra tiếp theo; 2) Phân tích dữ liệu về sự tham gia của sinh viên đang giúp các tổ chức hiểu rõ hơn về sự tham gia của sinh viên vào việc học và hành vi học tập của cá nhân họ. Được trang bị thông tin này, các cơ sở giáo dục đưa ra những dự đoán có ý nghĩa, cá nhân hóa và phù hợp hơn để thúc đẩy những thay đổi trong thiết kế khóa học, nguồn lực và phương pháp hỗ trợ sinh viên dựa trên thành công đã được chứng minh. Khả năng đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu là chìa khóa để chuyển đổi kỹ thuật số thành công và phát triển giáo dục trong tương lai; 3) Các công nghệ mới đang được sử dụng trong môi trường giáo dục như: học tập ảo và có hỗ trợ bằng Video, Robot VR và AR, Chatbot, Internet of Things và Blockchain để bảo mật và chứng nhận dữ liệu. Việc áp dụng công nghệ mới sẽ tiếp tục tác động đến cách tiếp cận, sử dụng và trải nghiệm giáo dục, giúp mọi người học hỏi từ mọi nơi dễ dàng hơn và tạo lợi thế trong bối cảnh toàn cầu ngày càng cạnh tranh (Compnow, 2023). Như vậy, về bản chất, chuyển đổi số không thay đổi giá trị cốt lõi hay mô hình của một tổ chức giáo dục đại học mà là sự chuyển đổi hoạt động cốt lõi thông qua công nghệ và nền tảng số, đồng thời nắm bắt các cơ hội mà chúng mang lại.

*Chất lượng giảng dạy của giảng viên:* Hiện nay, chưa có một định nghĩa rõ ràng về chất lượng giảng dạy của giảng viên. Căn cứ vào quan niệm: Chất lượng là mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có của một đối tượng đáp ứng các yêu cầu; chất lượng của giảng viên bao gồm trình độ bằng cấp chuyên môn, thành thạo về môn học, kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy và đạo đức nghề nghiệp thì chất lượng giảng dạy của giảng viên được hiểu là hoạt động giảng dạy của giảng viên giúp sinh viên học tập tốt, đạt được các mức độ kỳ vọng của sinh viên và yêu cầu của đặt ra về chất lượng đào tạo của nhà trường.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu và khảo sát

*Phương pháp phân tích tài liệu:* Nghiên cứu, phân tích tài liệu trong và ngoài nước có liên quan đến chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục, từ đó tìm ra cơ sở lý luận có liên quan đến chất lượng giảng dạy của giảng viên và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của giảng viên. Thu thập và phân tích các thông tin lấy được từ nguồn phỏng vấn... để so sánh và đối chiếu với kết quả khảo sát từ phiếu hỏi về chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục ở các trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*Phương pháp phỏng vấn:* Phương pháp phỏng vấn sâu được dùng chủ yếu để nghiên cứu sơ bộ và kiểm tra lại các thông tin với nguồn thông tin thu thập. Phỏng vấn sâu 08 cán bộ quản lý về chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục tại các trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp tiến hành là trao đổi trực tiếp qua trò chuyện trực tiếp hoặc qua điện thoại nhằm phân tích về năng lực giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục.

*Phương pháp khảo sát, điều tra bằng bảng hỏi:* Sử dụng chủ yếu ở đối tượng giảng viên tại các trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh để phân tích về chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục thông qua 05 nội dung và được mã hóa: (H1) Tầm quan trọng của nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số; (H2) Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc hiểu ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy; (H3) Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc xử lý dữ liệu số

và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên; (H4) Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số; (H5) Chất lượng giảng dạy của giảng viên thể hiện trong giao tiếp, hợp tác trên nền tảng sử dụng công nghệ số.

Bài viết khảo sát ý kiến của 268 người (162 nữ và 106 nam), trong đó có 40 cán bộ quản lý ở một số trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu được chọn để phỏng vấn bán cấu trúc theo phương pháp thuận tiện, cỡ mẫu là 16 người đang tham gia quản lý và giảng dạy tại một số trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 08 cán bộ quản lý được mã hóa từ cán bộ quản lý 01 đến cán bộ quản lý 08 và 08 giảng viên được mã hóa từ giảng viên 01 đến giảng viên 08. Để đo lường các khái niệm nghiên cứu trong mô hình, bài báo sử dụng thang đo Likert 5. Các giá trị trung bình trong thang đo được quy ước theo: Từ 1-1,8: Không thực hiện; Từ 1,81-2,6: Ít thực hiện; Từ 2,61-3,40: Phân vân; Từ 3,41-4,2: Thực hiện; Từ 4,21- 5: Thực hiện thường xuyên. Bài báo sử dụng công thức tính điểm trung

$$\text{bình: } \bar{X} = \frac{\sum_{i=1}^k X_i K_i}{n} \quad (1).$$

Trong đó,  $\bar{X}$ : Điểm trung bình;  $X_i$ : Điểm ở mức độ  $i$ ;  $K_i$ : Số người tham gia đánh giá ở mức độ  $X_i$ ;  $n$ : Số người tham gia đánh giá. Công thức sử dụng tính điểm trung bình chung các nội dung của mỗi nội dung H1 đến H5.

### 2.3. Kết quả khảo sát

#### 2.3.1. Tâm quan trọng của nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số

Để đánh giá tầm quan trọng của nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

nghiên cứu này thực hiện khảo sát ý kiến của 268 người, trong đó có 40 cán bộ quản lý, 162 nữ (có 17 cán bộ quản lý) và 106 nam (có 23 cán bộ quản lý) ở một số trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy ước: 1) Không quan trọng, 2) Ít quan trọng, 3) Khá quan trọng, 4) Quan trọng, 5) Rất quan trọng. Kết quả thể hiện ở Bảng 1.

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy: Khi đánh giá tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số ở một số trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không có cán bộ quản lý nào đánh giá là “Không quan trọng” và “Ít quan trọng” (tỉ lệ 0,00%). Số lượng đánh giá tập trung cao nhất là “Quan trọng” chiếm 62,50% (với 25/40 người được hỏi) và “Rất quan trọng” chiếm 30,00% (với 12/40 người được hỏi). Đối với đội ngũ giảng viên, số người đánh giá tập trung cao nhất cũng là “Quan trọng” chiếm 50,15%, (với 138/268 người được hỏi), tiếp đến là “Rất quan trọng” chiếm 25,84% (với 70/268 người được hỏi, “Ít quan trọng” chiếm 14,95% (với 40/268 người được hỏi). Vẫn còn 2,96% đánh giá là “Không quan trọng” (với 8/268 người được hỏi) và “Ít quan trọng” chiếm 6,08% (với 15/268 người được hỏi).

Kết quả đánh giá này cho thấy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số mặc dù đã được các trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm và đánh giá là “Quan trọng”, tuy nhiên vẫn còn số lượng không nhỏ đánh giá là “Không quan trọng” và “Ít quan trọng”, tập trung ở đội ngũ giảng viên. Theo cán bộ quản lý 01: “Trong thời gian qua, việc thực hiện chuyển đổi số ở một số trường đại học công lập đã được thực hiện nhưng chưa đi vào chiều sâu, nhiều giảng viên, cán bộ công nhân viên còn có thói quen sử dụng giấy tờ trong giảng dạy

**Bảng 1:** Đánh giá tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số

TT	Đối tượng khảo sát	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)	Mức độ đánh giá										
				Không quan trọng		Ít quan trọng		Khá quan trọng		Quan trọng		Rất quan trọng		
				Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
1	Cán bộ quản lý	40	100	0	0,00	0	0,00	3	7,50	25	62,50	12	30,00	
2	Giảng viên	Nam	106	100	3	2,83	7	6,60	16	15,09	54	50,94	26	24,53
		Nữ	162	100	5	3,09	9	5,56	24	14,81	80	49,38	44	27,16

và quản lí hành chính”. Theo giảng viên 01: “Công việc chuyển đổi số là việc làm của khối hành chính, đối với giảng viên chúng tôi chưa thấy thực hiện” và quan điểm này được sự đồng tình của giảng viên 04. Điều này cho thấy, các trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cần có giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên về sự thực hiện và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.3.2. *Thực trạng hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số*

Để đánh giá thực trạng hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số, nghiên cứu này thực hiện khảo sát ý kiến của 268 ở một số trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh ở 05 nội dung (từ H1 đến H4), theo quy ước: 1) Không thực hiện, 2) Ít thực hiện, 3) Phân vân, 4) Thực hiện, 5) Thực hiện thường xuyên; đồng thời, sử dụng công thức (1) để tính toán tìm ra  $\bar{X}$ .

*Thực trạng chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc nâng cao hiểu biết ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy (H1)*

Quan sát kết quả của Bảng 2 cho thấy: Với tổng trung bình  $\bar{X} = 3,82$  nằm trong khoảng  $3,41\bar{X}£4,20$  tương đương với mức đánh giá “Thực hiện”. Xem xét từng nội dung khảo sát cho thấy, ở mỗi nội dung khảo sát đều nằm trong khoảng  $3,41\bar{X}£4,20$ . Như vậy, các nội dung của “Hiểu biết ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy” đều nằm ở mức “Thực hiện”. Không có nội dung nào nằm

trong khoảng  $4,21\bar{X}£5,0$  (mức “Thực hiện thường xuyên”) và cũng không có nội dung nào nằm trong khoảng  $2,61\bar{X}£3,40$  (mức “Ít thực hiện”). Tuy nhiên, xét cụ thể ở từng mức đánh giá thì ở cả 05 nội dung khảo sát, đều có người đánh giá “Không thực hiện” và “Ít thực hiện” về “Nâng cao hiểu biết ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy” ở các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Số người đánh giá “Không thực hiện” trung bình là 6,20 (chiếm 2,31%); số người đánh giá “Ít thực hiện” trung bình là 25,20 (chiếm 9,40%); số người đánh giá “Phân vân” trung bình là 38,60 (chiếm 14,40%). Mức đánh giá tập trung cao nhất là “Thực hiện” trung bình là 139,00 (chiếm 51,87%); còn “Thực hiện thường xuyên” trung bình là 59,00 (chiếm 22,01%).

Đánh giá sự thực hiện về nâng cao hiểu biết ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số, theo giảng viên 02: “Việc áp dụng chính sách và chiến lược chuyển đổi số trong giảng dạy đối với chúng tôi tương đối khó khăn vì thói quen giảng dạy cũ. Hơn nữa, việc tìm kiếm công cụ phù hợp từ các nguồn mở dành cho giáo dục đòi hỏi phải giỏi về công nghệ thông tin trong khi chúng tôi ít được đào tạo về lĩnh vực này”. Quan điểm này cũng được sự đồng tình của giảng viên 06 và giảng viên 07. Theo cán bộ quản lí 02: “Do nhiều giảng viên chưa hiểu chính sách chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số của trường nên trong quá trình thực hiện ít được các giảng viên quan tâm thực hiện”. Nhận định này được sự đồng tình của cán bộ quản lí 04 và cán bộ quản lí 05.

**Bảng 2:** *Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc nâng cao hiểu biết ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy (H1)*

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá					$\bar{X}$
		1	2	3	4	5	
1	Hiểu chính sách chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số của trường	4	17	34	137	76	3,99
2	Khai thác dữ liệu hiệu quả trong dạy học	4	24	36	136	68	3,90
3	Sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ	7	29	42	140	50	3,74
4	Tim kiếm công cụ phù hợp từ các nguồn mở dành cho giáo dục	5	24	37	142	60	3,85
5	Áp dụng chính sách và chiến lược chuyển đổi số trong giảng dạy	11	32	44	140	41	3,63
Trung bình tổng		6,20	25,20	38,60	139,00	59,00	3,82
Tỉ lệ (%)		2,31	9,40	14,40	5,87	22,01	

*Thực trạng chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên (H2).*

Quan sát kết quả của Bảng 3 cho thấy: Tổng trung bình  $\bar{X} = 3,72$  nằm trong khoảng  $3,41\bar{X}\bar{E}4,20$  tương đương với mức đánh giá “Thực hiện”. Xem xét từng nội dung khảo sát cho thấy, ở mỗi nội dung khảo sát đều nằm trong khoảng  $3,41\bar{X}\bar{E}4,20$ . Như vậy, các nội dung của “xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên” đều nằm ở mức “Thực hiện”. Không có nội dung nào nằm trong khoảng  $4,21\bar{X}\bar{E}5,00$  (mức “Thực hiện thường xuyên”) và cũng không có nội dung nào nằm trong khoảng  $2,61\bar{X}\bar{E}3,40$  (mức “Ít thực hiện”). Tuy nhiên, xét cụ thể ở từng mức đánh giá, ở 05 nội dung khảo sát, đều có người đánh giá “không thực hiện” và “ít thực hiện” về “Xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên” ở các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Số người đánh giá “Không thực hiện” trung bình là 8,80 (chiếm 3,28%); số người đánh giá “ít thực hiện” trung bình là 25,40 (chiếm 9,48%); số người đánh giá “Phân vân” trung bình là 39,60 (chiếm 14,78%). Mức đánh giá tập trung cao nhất là “Thực hiện” trung bình là 138,60 (chiếm 51,72%); còn “Thực hiện thường xuyên” trung bình là 55,60 (chiếm 20,75%).

Đánh giá về nội dung này, theo cán bộ quản lý 03: “Hiện nay, sự phát triển của công nghệ thông tin đã mở ra nhiều cơ hội cho giảng viên trong việc tăng cường khả năng xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy. Giảng viên nên học cách sử dụng phần mềm và ứng dụng để quản lý dữ liệu và tạo ra các tài liệu thuyết trình chuyên nghiệp để quản lý lớp học và

tạo ra các bài giảng trực tuyến cho người học”. Làm rõ hơn nhận định này, theo giảng viên 03: “Giảng viên cần biết cách sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để phân tích dữ liệu số và tạo ra các báo cáo thống kê, đồ thị, biểu đồ,... để giúp người học hiểu rõ hơn về các chủ đề trong bài giảng”. Theo cán bộ quản lý 06: “Có rất nhiều công cụ và ý tưởng đều có thể giúp giảng viên nâng cao khả năng xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy, giúp cho quá trình giảng dạy trở nên hiệu quả hơn và hấp dẫn hơn đối với người học”. Theo cán bộ quản lý 07: “Giảng viên cần biết cách sử dụng các ứng dụng mô phỏng ảo hóa để giúp người học hình dung và hiểu rõ hơn về các khái niệm trừu tượng, sử dụng các ứng dụng và công cụ tương tác để tạo ra các hoạt động và bài tập trực tuyến cho người học hoặc sử dụng các công cụ đồ họa và thiết kế để tạo ra các tài liệu học tập và giảng dạy chất lượng cao”.

*Thực trạng chất lượng giảng dạy của giảng viên trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số (H3).*

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy: Với tổng trung bình  $\bar{X} = 3,68$  nằm trong khoảng  $3,41\bar{X}\bar{E}4,20$  tương đương với mức đánh giá “Thực hiện”. Xem xét từng nội dung khảo sát cho thấy, ở mỗi nội dung khảo sát đều nằm trong khoảng  $3,41\bar{X}\bar{E}4,20$ . Như vậy, các nội dung của “Nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số” đều nằm ở mức “Thực hiện”. Không có nội dung nào nằm trong khoảng  $4,21\bar{X}\bar{E}5,00$  (mức “Thực hiện thường xuyên”) và cũng không có nội dung nào nằm trong khoảng  $2,61\bar{X}\bar{E}3,40$  (mức “Ít thực hiện”). Tuy nhiên, trong 05 nội dung được khảo sát, có 02 nội dung bị đánh giá thấp hẳn, cụ thể nội dung: “Tương tác, giao

**Bảng 3: Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên (H2)**

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá					Giá trị trung bình
		1	2	3	4	5	
1	Nhận biết nhu cầu dữ liệu thông tin của môn học	13	25	36	136	58	3,75
2	Định vị phạm vi tìm kiếm, truy cập và khai thác dữ liệu số	6	26	36	136	64	3,84
3	Đánh giá độ tin cậy của thông tin trên nền tảng không gian mạng	13	29	54	130	42	3,59
4	Nắm bắt và tuân thủ vấn đề bản quyền trên không gian mạng	6	25	37	141	59	3,83
5	Xử lý dữ liệu một cách sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu	6	22	35	150	55	3,84
Trung bình tổng		8,80	25,40	39,60	138,60	55,60	3,77
Tỉ lệ (%)		3,28	9,48	14,78	51,72	20,75	

**Bảng 4:** Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá					$\bar{X}$
		1	2	3	4	5	
1	Sử dụng công nghệ số phục vụ nghiên cứu	14	29	37	135	53	3,69
2	Lưu trữ, bảo quản, khai thác dữ liệu dựa trên thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu	6	26	36	136	64	3,84
3	Tương tác, giao tiếp và hợp tác nghiên cứu thông qua công nghệ số	15	33	56	125	39	3,52
4	Sử dụng mạng lưới ICT để tiếp cận các chuyên gia để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm	7	27	37	138	59	3,80
5	Phân tích, lựa chọn và tham gia các khóa học trực tuyến, blogs, poscasts, diễn đàn, hội thảo	17	35	55	136	25	3,44
Trung bình tổng		11,80	30,00	44,20	134,00	48,00	3,68
Tỉ lệ (%)		4,40	11,19	16,49	50,00	17,91	

tiếp và hợp tác nghiên cứu thông qua công nghệ số” với  $\bar{X} = 3,52$  và nội dung: “Phân tích, lựa chọn và tham gia các khóa học trực tuyến, Blogs, Poscasts, diễn đàn, hội thảo” bị đánh giá thấp nhất với  $\bar{X} = 3,44$  nằm sát cận dưới của mức “Thực hiện” (mức “Phân vân”). Đồng thời, ở từng nội dung khảo sát, đều có người đánh giá “Không thực hiện” (4,40%) và “Ít thực hiện” (11,19%); mức đánh giá “Phân vân” tương đối cao chiếm 16,49%.

*Thực trạng chất lượng giảng dạy của giảng viên thể hiện trong giao tiếp, hợp tác với sv và đồng nghiệp trên nền tảng sử dụng công nghệ số (H4).*

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy: Với tổng trung bình  $\bar{X} = 3,78$  nằm trong khoảng 3,41 $\bar{X}$ £4,20 tương đương với mức đánh giá “Thực hiện”. Xem xét từng nội dung khảo sát cho thấy, ở mỗi nội dung khảo sát đều nằm trong khoảng 3,41 $\bar{X}$ £4,20. Như vậy, các nội dung của “Giao tiếp, hợp tác trên nền tảng sử dụng công nghệ số” đều nằm ở mức “Thực hiện”. Không có nội dung nào nằm trong khoảng 4,21  $\bar{X}$ £ 5,00 (mức “Thực hiện thường xuyên”) và cũng không có nội dung nào nằm trong khoảng 2,61 $\bar{X}$ £3,40 (mức “Ít thực hiện”). Tuy các nội dung khảo sát có sự chênh lệch nhau nhưng mức độ chênh lệch không đáng kể.

Phỏng vấn 08 giảng viên và hầu hết đều đồng ý với việc khả năng đáp ứng năng lực của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó, ý kiến của giảng

viên 08 cho rằng: “Trong nền bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi giảng viên phải có khả năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ nhất định để có thể tiếp cận với những phương pháp và nội dung hiện đại”. Tuy nhiên, theo giảng viên 05: “Công việc giảng viên hiện nay khá nhiều và thời gian dành cho việc thu thập thông tin trên Internet ít. Vì vậy, khi ứng dụng kỹ năng công nghệ thông tin vào các vấn đề có liên quan đến xã hội thì sự tin vào bản thân của giảng viên chưa cao. Bên cạnh đó, việc hợp tác và chia sẻ thông tin của các giảng viên trong nhà trường chưa nhiều vì rất ít thời gian sinh hoạt chuyên môn cùng nhau”.

### 2.3.3. Một số kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân

*Một số kết quả đạt được:* Hầu hết cán bộ quản lý và giảng viên các trường đại học công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa (tầm quan trọng) của việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, giảng viên đã nhận thức rõ hơn về: Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc hiểu ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy; Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên; Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số và chất lượng giảng dạy của giảng viên thể hiện trong giao tiếp, hợp tác trên nền tảng sử dụng công nghệ số.

**Bảng 5:** Chất lượng giảng dạy của giảng viên thể hiện trong giao tiếp, hợp tác trên nền tảng sử dụng công nghệ số

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá					$\bar{X}$
		1	2	3	4	5	
1	Phát huy giao tiếp, hợp tác trong môi trường chuyển đổi số	7	29	37	137	58	3,78
2	Thiết kế, chia sẻ và góp ý bài giảng có sử dụng công cụ số	6	26	36	136	64	3,84
3	Giúp người học xác định giải pháp công nghệ giải quyết vấn đề	7	29	42	132	58	3,76
4	Khuyến khích người học tự tạo các công cụ số hỗ trợ việc học tập	7	30	37	137	57	3,77
5	Sử dụng linh hoạt các công cụ số giúp người học tương tác và nghiên cứu cùng nhau	8	30	42	137	51	3,72
Trung bình tổng		7,00	28,80	38,80	135,80	57,60	3,78
Tỉ lệ (%)		2,61	10,75	14,48	50,67	21,49	

*Một số hạn chế và tồn tại:* Nhận thức của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều. Một số giảng viên còn phân vân trong việc chưa nhận thấy được đặc trưng của chuyển đổi số trong giáo dục như: Khai thác dữ liệu hiệu quả trong dạy học; sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ; tìm kiếm công cụ phù hợp từ các nguồn mở dành cho giáo dục,... tăng tính thích ứng và trải nghiệm của người học (tỉ lệ phân vân > 30,00%). Ngoài ra, giảng viên khá lo lắng trong mục tiêu chất lượng giáo dục được nâng cao thông qua công nghệ thông tin, thông qua chuyển đổi số giáo dục (tỉ lệ phân vân khoảng 40,00%). Bên cạnh đó, về mặt khó khăn, hầu hết các giảng viên đều đồng ý trong bối cảnh chuyển đổi số họ gặp khó khăn về giao tiếp, hợp tác trong môi trường chuyển đổi số, sử dụng linh hoạt các công cụ số giúp người học tương tác và nghiên cứu cùng nhau...

*Nguyên nhân của tồn tại:* Kết quả khảo sát cho thấy, những yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường đã ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy của giảng viên trong chuyển đổi số như: 1) Yếu tố bên trong nhà trường: Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên về tầm quan trọng của sự chuyển đổi số; Năng lực, kinh nghiệm của cán bộ trong sự chuyển đổi số; Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường phục vụ cho sự chuyển đổi số; Sự phối hợp của nhà trường với các thành viên trong trường; Kinh phí, tài chính tổ chức sự chuyển đổi số trong trường đại học mức độ ảnh hưởng khá cao > 90,00%. Đặc biệt, ý kiến về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường phục vụ cho sự chuyển đổi số mức ảnh hưởng là 100,00%. 2) Yếu tố bên ngoài nhà trường: Điều kiện kinh tế, xã hội, môi

trường chuyển đổi số tại địa phương; Văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý về sự chuyển đổi số trong trường đại học; Sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin; Điều kiện môi trường tác động đến việc chuyển đổi số, mức độ ảnh hưởng khoảng 92,00%.

2.3.4. Kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số

*Thứ nhất, nâng cao chất lượng chuyên môn của giảng viên trong việc nâng cao hiểu biết ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy*

Các trường đại học cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên những hiểu biết về ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy trong việc nâng cao trình độ về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, trong đó chú trọng lồng ghép kỹ năng nghề nghiệp tập trung cho đối tượng giảng viên trẻ; Thường xuyên tổ chức các hội thảo về chuyên môn, các buổi báo cáo chuyên đề liên quan chuyên môn cho giảng viên tham gia. Xây dựng quy định yêu cầu về chuẩn năng lực của giảng viên đại học, cụ thể là: Năng lực hiểu ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy; Năng lực xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy; Năng lực nghiên cứu khoa học; Năng lực giao tiếp, hợp tác trên nền tảng sử dụng công nghệ số; Năng lực an ninh, an toàn; Năng lực ứng dụng kỹ năng số. Đồng thời, cần thiết phải tạo điều kiện cho giảng viên tham gia giao lưu với các trường đại học trong và ngoài nước để nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Khuyến khích giảng viên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và khuyến

khích giảng viên phân tích về các kĩ thuật công nghệ hiện đại để nảy sinh ý tưởng mới để đạt hiệu quả nhất trong công việc.

*Thứ hai, nâng cao chất lượng giảng dạy cho giảng viên trong việc xử lí dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên*

Để nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên, trước hết bắt nguồn từ chính đội ngũ giảng viên. Trong đó, nâng cao chất lượng giảng dạy cho giảng viên trong việc xử lí dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên là điều cần thiết. Với hệ thống đào tạo theo tín chỉ hiện nay, đặc biệt ở một số trường đại học đã thực hiện đào tạo tín chỉ triệt để, nếu đội ngũ giảng viên không ngừng nâng cao kĩ năng xử lí dữ liệu số, sáng tạo trong giảng dạy, lòng say mê với nghề chắc chắn sẽ bị “đào thải” khi sinh viên được quyền lựa chọn thầy cô để học tập. Ngoài ra, các trường cần có các chế tài quy định cụ thể việc học tập, nâng cao trình độ của giảng viên thông qua các kế hoạch học tập, đào tạo, đào tạo lại và tự đào tạo. Quá trình học học tập, đào tạo, đào tạo lại và tự đào tạo của giảng viên phải được theo dõi bởi các phòng ban chức năng, các khoa, bộ môn chuyên môn. Cần gắn các hoạt động này với việc đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm, có thể lấy đó làm cơ sở để nâng lương trước thời hạn. Ngoài ra, việc tổ chức các lớp tập huấn, hội thi, hội thảo liên quan đến hoạt động chuyển đổi số của nhà trường cũng là một cách thức quan trọng để giúp giảng viên nắm rõ hơn cách thức, nội dung, yêu cầu của chuyển đổi số với việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên.

*Thứ ba, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục*

Nghiên cứu khoa học là một hoạt động bắt buộc đối với giảng viên. Tuy nhiên, trong thời gian qua, hoạt động này ở một số trường đại học công lập vẫn chưa được quan tâm nhiều. Ở một số trường đại học, hoạt động này còn tương đối “dễ dãi” và chưa có yêu cầu cao đối với giảng viên. Do vậy, việc nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số là thực hiện và phải thực hiện ngay. Để thực hiện được nhiệm vụ này, việc thực hiện các trường đại học cần rà soát lại toàn bộ các văn bản pháp quy về yêu cầu nghiên cứu khoa học của giảng viên. Căn cứ vào tình hình hoạt động của nhà trường để thiết kế các hoạt động nghiên cứu khoa học cho phù hợp.

Thực hiện đa dạng hóa loại hình nghiên cứu khoa học như: Bài báo (trong nước và quốc tế, trong đó tập trung vào các hệ thống uy tín như SCOPUS, WoS,

DOAJ...), đề tài nghiên cứu khoa học (cấp cơ sở, cấp Bộ, Ngành và các địa phương), chuyển giao khoa học công nghệ, thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức...). Đổi mới các thủ tục hành chính để giảm thời gian làm thủ tục giấy tờ, tạo động lực thu hút giảng viên say mê với khoa học; bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong xét duyệt đề tài nghiên cứu và nghiệm thu đề tài. Động viên và khen thưởng các đề tài theo hướng đặt hàng hàng năm và liên kết các đơn vị sử dụng hoặc các cơ quan nghiên cứu. Xây dựng các định mức công trình nghiên cứu khoa học, tạo ra các công trình nghiên cứu có chất lượng, dành nguồn ngân sách chi cho các đề tài khoa học mang tính trọng điểm. Quy định giảng viên bắt buộc phải có bài báo được thẩm định công bố hàng năm trên tạp chí có uy tín (trong nước và quốc tế) được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm.

*Thứ tư, nâng cao năng lực giao tiếp, hợp tác với sinh viên và đồng nghiệp trên nền tảng sử dụng công nghệ số*

Động viên giảng viên tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa (hội thảo, hội nghị, trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy... liên quan đến hoạt động chuyển đổi số) để nâng cao năng lực giao tiếp. Có cơ chế khuyến khích giảng viên chủ động trong giao tiếp, hợp tác với sinh viên và đồng nghiệp trên nền tảng sử dụng công nghệ số. Tổ chức giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động đoàn thể... giúp giảng viên tham gia các hoạt động xã hội, tham gia những buổi học ngoại khóa hay chuyến đi thực nghiệm do trường tổ chức. Khuyến khích giảng viên chủ động tìm kiếm cơ hội để rèn luyện tham gia các câu lạc bộ liên quan đến ngành học để nâng cao năng lực bản thân.

Nhà trường phải quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu hoạt động tập thể của giảng viên để tổ chức nhiều và thường xuyên hơn các hoạt động chuyên môn liên quan đến bối cảnh chuyển đổi số giáo dục để giảng viên tiếp cận thông tin tri thức mới. Trong giao tiếp hàng ngày, giảng viên luôn ứng phó với nhiều tình huống, xã hội càng văn minh thì nhu cầu trong giao tiếp của con người càng cao, ứng xử một cách thông minh, khôn khéo, tế nhị, kịp thời, có hiệu quả. Bản thân người lãnh đạo nhà trường phải làm gương trong giao tiếp, giúp giảng viên cảm thấy an tâm và thiện cảm trong giao tiếp... Qua đó, khéo léo đưa những câu chuyện thực tế để giảng viên rút kinh nghiệm trong giao tiếp với môi trường xung quanh.

### 3. Kết luận

Nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu quan trọng

trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số được tập trung ở: Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc hiểu ICT trong giáo dục và vận dụng thiết bị trong giảng dạy; Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong việc xử lý dữ liệu số và sáng tạo trong giảng dạy của giảng viên; Chất lượng giảng dạy của giảng viên trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trong bối cảnh chuyển

đổi số; Chất lượng giảng dạy của giảng viên thể hiện trong giao tiếp, hợp tác trên nền tảng sử dụng công nghệ số. Để đáp ứng những thay đổi của thế giới nói chung và quá trình chuyển đổi số nói riêng, nhiệm vụ của các trường đại học cần tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Các giải pháp được đề xuất dựa trên bốn nhóm năng lực giảng viên đại học đáp ứng bối cảnh chuyển đổi số là tiền đề tham khảo để các trường có thể áp dụng trong thời gian tới.

### Tài liệu tham khảo

- ANZ. (2023). *What Is Digital Transformation?*, <https://www.salesforce.com/au/blog/what-is-digital-transformation/>.
- AWS. (2020). *What is Digital Transformation?*, <https://aws.amazon.com/what-is/digital-transformation/>.
- Ban Chấp hành Trung ương (04/11/2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
- Chính phủ. (02/11/2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*, Hà Nội.
- Compnow. (2023). *Digital Transformation in Education: How Schools Are Benefiting*, <https://www.compnow.com.au/it-knowledge-base/digital-transformation-in-education/>.
- TIBC. (2022). *What is digital transformation?*, <https://www.tibco.com/glossary/what-is-digital-transformation>.
- Thủ tướng. (2020). *Quyết định số 749/QĐ phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, Hà Nội.
- UNESCO. (2023). *Digital learning and transformation of education*, <https://www.unesco.org/en/digital-education>.
- Vivek Hariharan. (2023). *What is Digital Transformation in Education?*, <https://www.leadsquared.com/industries/education/digital-transformation-in-education-trends-strategies/>.